

QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành Sản phẩm Tài trợ doanh nghiệp ngành Dược, vật tư và Thiết bị y tế

TỔNG GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG TMCP BẢN VIỆT

- Căn cứ Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có);
- Căn cứ Quyết định số 85/24/BVBank/QĐ-HĐQT của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Bản Việt V/v ban hành Quy chế cấp tín dụng ngày 26/06/2024 và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có);
- Căn cứ Quyết định số 96/2022/QĐ-TTĐVKH ngày 10/05/2022 của Tổng Giám đốc về việc ban hành Quy định về phát triển và phê duyệt của sản phẩm và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có);
- Căn cứ Quyết định số 504/24/BVBank/QĐ-TGD ngày 13/12/2024 của Tổng Giám đốc V/v Phân công nhiệm vụ Ban điều hành;
- Theo đề nghị của P.PTSP KHDN tại Tờ trình số 019048/2024/TTr-0692207 ngày 22/11/2024 về việc ban hành “Sản phẩm cấp tín dụng cho khách hàng doanh nghiệp cung cấp Dược – Vật tư y tế”

QUYẾT ĐỊNH

- Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này là “**Sản phẩm Tài trợ doanh nghiệp ngành Dược, vật tư và Thiết bị y tế**”.
- Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 30/12/2024
- Điều 3.** Các Ông/Bà Lãnh đạo, Khối, Phòng ban và các Đơn vị tại HO, ĐVKD và các cá nhân có liên quan trong hệ thống BVBank chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TGD (để báo cáo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: P.HC, P.PTSP KHDN;
- Trang QLVB.

TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC KHỐI KHDN

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Ngọc Nghiệm

SẢN PHẨM TÀI TRỢ DOANH NGHIỆP NGÀNH DƯỢC, VẬT TƯ VÀ THIẾT BỊ Y TẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 531/24/BVBank/QĐ-KHDN ngày 27/12/2024)

Số Quyết định : 531/24/BVBank/QĐ-KHDN

Ngày Quyết định : 27/12/2024

Cấp ban hành: Tổng Giám đốc

Ký rà soát gần nhất: Ban hành lần đầu

TÀI LIỆU SỬ DỤNG NỘI BỘ

MỤC LỤC

GIẢI THÍCH TỪ NGỮ VÀ CHỮ VIẾT TẮT	4
I. TÓM TẮT SẢN PHẨM:.....	5
II. CHI TIẾT SẢN PHẨM	5
III. QUY TRÌNH THỰC HIỆN.....	9
IV. DANH MỤC HỒ SƠ	9
V. HIỆU LỰC THI HÀNH	10

Nguyen Dang Khoa 8
khoand8@bvbank.net.vn 31/12/2024 09:41:59

GIẢI THÍCH TỪ NGỮ VÀ CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt/Từ ngữ	Giải thích từ ngữ
Dược	Là thuốc và nguyên liệu làm thuốc
Vật tư y tế	Là một khái niệm chung quy ước chỉ các loại như: Vật tư tiêu hao, vật dụng, dụng cụ... dùng trong chuẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân, bao gồm trang thiết bị y tế.
Vật tư tiêu hao	Là những đồ dùng rồi bỏ đi, dùng một lần, hao mòn có thể kể tới như: Bơm kim tiêm, bông gạc, dây nịt, kim luồn, dây truyền, các loại chỉ, khẩu trang y tế, găng tay, mũ phẫu thuật, que thử đường huyết, que thử thai...vv.
Thiết bị y tế	Là các loại thiết bị, dụng cụ, vật liệu, vật tư như máy MRI, siêu âm, X Quang, máy theo dõi bệnh nhân, máy đo huyết áp, máy xét nghiệm, tầm soát....
Bệnh viện	Là bệnh viện tuyến trung ương; tuyến tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; tuyến huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh theo thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và/hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).
Sở y tế	Là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý Nhà nước về y tế, gồm các lĩnh vực: Y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh; phục hồi chức năng; giám định y khoa, pháp y, pháp y tâm thần; y, dược cổ truyền; sức khỏe sinh sản; trang thiết bị y tế; dược; mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; bảo hiểm y tế; dân số và các dịch vụ công thuộc ngành y tế theo quy định của pháp luật.
Trung tâm y tế	Trung tâm y tế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương theo Thông tư 07/2021/TT-BYT ngày 27/05/2021 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương (nếu có)
Đơn vị sự nghiệp y tế công lập	Là đơn vị được giải thích theo Nghị định 85/2012/NĐ-CP về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với các sự nghiệp y tế công lập và giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của các cơ quan khám bệnh, chữa bệnh công lập và/hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có)
Thị trường ETC (Ethical Drug)	Thuốc bán theo đơn, bao gồm các bệnh viện, trung tâm y tế, phòng khám , với giá trị tiêu thụ chiếm 55% tổng giá trị của thị trường. Trong đó: + Khu vực công: Bao gồm bệnh viện, phòng khám và các trạm y tế xã phường + Khu vực tư nhân: Bao gồm bệnh viện tư, phòng khám tư
Thị trường OTC (Over the Counter)	Thuốc bán không theo đơn, bao gồm các nhà thuốc bán lẻ, chợ sỉ , với giá trị tiêu thụ chiếm 45% tổng giá trị tiêu thụ của thị trường
Người điều hành	Là người điều hành chính hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp. Tùy từng trường hợp cụ thể, người điều hành có thể là chủ tịch hội đồng quản trị, thành viên hội đồng quản trị, người đại diện pháp luật, thành viên góp vốn chính.
Thời gian thành lập	Tính từ thời điểm thành lập đến thời điểm đề xuất CTD (được tính đến tháng)

Thành viên góp vốn chính	03 thành viên/ cổ đông góp vốn có tỷ lệ vốn góp cao nhất căn cứ đăng ký kinh doanh của khách hàng (sở hữu vốn góp từ 5% trở lên theo giấy đăng ký kinh doanh hoặc chứng từ khác xác định được tỷ lệ góp vốn của thành viên).
BCT	Bộ chứng từ
QDN	Quyền đòi nợ là quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng mà Khách hàng ký kết với chủ đầu tư (bên có nghĩa vụ thanh toán)
QDN HTTTL	Quyền đòi nợ hình thành trong tương lai là Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng thương mại đã ký kết và được thực hiện hoàn tất tại một thời điểm xác định trong tương lai sau thời điểm giao kết hợp đồng bảo đảm. Khách hàng chưa hoàn thành nghĩa vụ tại thời điểm giao kết hợp đồng bảo đảm.
BDS/STK/HDTG /PTVT/MMTB	Bất động sản/ Sổ tiết kiệm/ Hợp đồng tiền gửi/Phương tiện vận tải/ Máy móc thiết bị
Tài trợ trọn gói	Là giải pháp tín dụng, bảo lãnh, thanh toán mà BVBank tài trợ cho KH trong quá trình thực hiện toàn bộ dự án từ khâu đấu thầu đến khi nghiệm thu.
TSBD khác	Bất động sản/ Sổ tiết kiệm/ Hợp đồng tiền gửi/Phương tiện vận tải/ Máy móc thiết bị
KHDN	Khách hàng doanh nghiệp
BLDT	Bảo lãnh dự thầu
BLTT	Bảo lãnh thanh toán
Các từ ngữ, từ viết tắt khác chưa được nêu tại Sản phẩm này thì thống nhất sử dụng theo Phụ lục 01A. Danh mục từ viết tắt và giải thích từ ngữ ban hành kèm theo Quyết định 299/24/BVBank/QĐ-QLRR ngày 18/07/2024 v/v Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 426/23/BVBank/QĐ-QLRR ngày 18/12/2023 của TGD về việc ban hành quy định soạn thảo và ban hành văn bản, và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế trong từng thời kỳ.	

I. TÓM TẮT SẢN PHẨM:		
Sản phẩm này áp dụng cho khách hàng doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là Khách hàng) có hoạt động kinh doanh ổn định và hiệu quả trong lĩnh vực ngành nghề được, vật tư y tế và thiết bị y tế để cấp tín dụng.		
II. CHI TIẾT SẢN PHẨM		
1.	Đối tượng khách hàng	<ul style="list-style-type: none"> Khách hàng doanh nghiệp hoặc cá nhân là chủ DNTN được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, thực hiện các gói thầu cung cấp dược, vật tư y tế và thiết bị y tế. BVBank chỉ tài trợ trọn gói hợp đồng (chấp nhận không tài trợ từ bước dự thầu)
2.	Điều kiện khách hàng	<ul style="list-style-type: none"> Chi tiết theo Phụ lục 01 đính kèm.
3.	Phương thức cấp tín dụng	<ul style="list-style-type: none"> Hạn mức tín dụng/từng lần

4.	Mục đích cấp tín dụng	<ul style="list-style-type: none"> Cho vay bổ sung vốn lưu động; Bảo lãnh; Phát hành L/C Tài trợ vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh được và vật tư y tế, thiết bị y tế phù hợp với quy định của pháp luật và của BVBank. 								
5.	Loại tiền	<ul style="list-style-type: none"> VNĐ Ngoại tệ. Việc cho vay bằng ngoại tệ phải thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối và quy định hiện hành của BVBank 								
6.	Phương thức giải ngân	<ul style="list-style-type: none"> Chuyển khoản/tiền mặt. 								
7.	Tài sản bảo đảm	<p>a. Đối với cho vay, phát hành BLTT, phát hành L/C, ký hậu L/C: TSBD là BĐS/STK/HĐTG/PTVT/MMTB và QDN theo quy định BVBank</p> <p>i. LTV đối với TSBD là QDN:</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ TSBD là QDN HTTTL: 60% ✓ TSBD là QDN đã hình thành: 70% <p>Bên thanh toán của QDN được áp dụng LTV trên là :</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bệnh viện/Sở y tế/Trung tâm y tế/Đơn vị sự nghiệp y tế công lập khác + Các bệnh viện tư nhân lớn và uy tín <p>Lưu ý: Tùy theo từng hồ sơ cụ thể, ĐVKD trình cấp phê duyệt tín dụng Bên thanh toán và tỷ lệ LTV tương ứng phù hợp</p> <p>ii. LTV đối với TSBD khác là BĐS/STK/HĐTG/PTVT/MMTB:</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ TSBD là BĐS: Cộng thêm 15% so với quy định hiện hành, tối đa không quá 95% giá trị TSDB ✓ TSBD là STK/HĐTG/PTVT/MMTB: Theo quy định BVBank¹ <p>iii. Trường hợp giải ngân cho kênh OTC chỉ áp dụng đối với Hạn mức được đảm bảo bằng BĐS/STK/HĐTG/PTVT/MMTB (<i>Chứng từ giải ngân: Hợp đồng đầu ra/hóa đơn GTGT chứng minh mục đích sử dụng vốn phù hợp theo quy định</i>).</p> <p>b. Đối với bảo lãnh, phát hành L/C:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Loại bảo lãnh</th><th>Tỷ lệ ký quỹ</th><th>Phần giá trị bảo lãnh còn lại chưa ký quỹ</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Bảo lãnh dự thầu</td><td>0%</td><td rowspan="2">Phần giá trị bảo lãnh còn lại chưa ký quỹ được đảm bảo bằng:</td></tr> <tr> <td>Bảo lãnh thực hiện hợp đồng</td><td>5%</td></tr> </tbody> </table>	Loại bảo lãnh	Tỷ lệ ký quỹ	Phần giá trị bảo lãnh còn lại chưa ký quỹ	Bảo lãnh dự thầu	0%	Phần giá trị bảo lãnh còn lại chưa ký quỹ được đảm bảo bằng:	Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	5%
Loại bảo lãnh	Tỷ lệ ký quỹ	Phần giá trị bảo lãnh còn lại chưa ký quỹ								
Bảo lãnh dự thầu	0%	Phần giá trị bảo lãnh còn lại chưa ký quỹ được đảm bảo bằng:								
Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	5%									

¹ Theo Quyết định số 218/2017/QĐ-QLRR ngày 17/10/2017 Ban hành quy định nhận tài sản bảo đảm là động sản và các văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế (nếu có)

		<table> <tr> <td>Bảo lãnh tạm ứng</td><td>10%</td><td rowspan="4"> <p>i. Hạn mức không có tài sản bảo đảm và/hoặc</p> <p>ii. Hạn mức bảo đảm bằng TSBĐ</p> <p>iii. Riêng bảo lãnh thanh toán: sử dụng hạn mức bảo đảm bằng TSBĐ tại điểm a khoản này.</p> <p>Lưu ý: Tùy theo từng hồ sơ cụ thể, ĐVKD trình cấp phê duyệt tín dụng Bên thanh toán và tỷ lệ ký quỹ tương ứng phù hợp</p> </td></tr> <tr> <td>Bảo lãnh thanh toán</td><td>10%</td></tr> <tr> <td>Bảo lãnh bảo hành</td><td>5%</td></tr> <tr> <td>Phát hành L/C</td><td>10%</td></tr> </table>	Bảo lãnh tạm ứng	10%	<p>i. Hạn mức không có tài sản bảo đảm và/hoặc</p> <p>ii. Hạn mức bảo đảm bằng TSBĐ</p> <p>iii. Riêng bảo lãnh thanh toán: sử dụng hạn mức bảo đảm bằng TSBĐ tại điểm a khoản này.</p> <p>Lưu ý: Tùy theo từng hồ sơ cụ thể, ĐVKD trình cấp phê duyệt tín dụng Bên thanh toán và tỷ lệ ký quỹ tương ứng phù hợp</p>	Bảo lãnh thanh toán	10%	Bảo lãnh bảo hành	5%	Phát hành L/C	10%
Bảo lãnh tạm ứng	10%	<p>i. Hạn mức không có tài sản bảo đảm và/hoặc</p> <p>ii. Hạn mức bảo đảm bằng TSBĐ</p> <p>iii. Riêng bảo lãnh thanh toán: sử dụng hạn mức bảo đảm bằng TSBĐ tại điểm a khoản này.</p> <p>Lưu ý: Tùy theo từng hồ sơ cụ thể, ĐVKD trình cấp phê duyệt tín dụng Bên thanh toán và tỷ lệ ký quỹ tương ứng phù hợp</p>									
Bảo lãnh thanh toán	10%										
Bảo lãnh bảo hành	5%										
Phát hành L/C	10%										
		<p>c. Cơ chế trải nghiệm:</p> <p>Trong thời gian trải nghiệm tối đa 06 tháng, KH được sử dụng hạn mức tín dụng được đảm bảo bằng TSBĐ là QĐN. Sau thời gian trải nghiệm trên, ĐVKD khuyến nghị KH bổ sung thêm TSBĐ khác. Sau 12 tháng, nếu KH chưa bổ sung TSBĐ khác, ĐVKD báo cáo và đề xuất phương án trình CPD xem xét theo quy định hiện hành của BVBank.</p>									
8.	Điều kiện/danh mục hồ sơ/ Quản lý TSBĐ là QĐN	<ul style="list-style-type: none"> - Điều kiện/Quản lý TSBĐ là QĐN theo phụ lục 2 đính kèm - Danh mục hồ sơ TSBĐ là QĐN theo phụ lục 3 đính kèm 									
9.	Bảo lãnh	<p>a. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng/bảo lãnh tạm ứng:</p> <p>i. Trường hợp chưa có hợp đồng chính thức (áp dụng trong trường hợp đấu thầu tập trung tại Bệnh viện/Sở y tế/Trung tâm y tế huyện/Đơn vị sự nghiệp công lập khác) phát hành bảo lãnh thực hiện hợp đồng/bảo lãnh tạm ứng dựa trên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thông báo trúng thầu/phê duyệt kết quả đấu thầu của cấp có thẩm quyền/thỏa thuận về việc ký kết hợp đồng và Biên bản thương thảo hợp đồng (nếu có) <i>hoặc</i> + Chỉ định thầu và Biên bản thương thảo hợp đồng (nếu có) <p>Đồng thời, KH ký cam kết sẽ bổ sung bản chính hợp đồng với giá trị hợp đồng không vượt quá giá trị trúng thầu, các điều kiện về hàng hóa/dịch vụ, điều kiện giao hàng, điều kiện về phương thức thanh toán không có khác biệt so với thông báo trúng thầu/biên bản thương thảo hợp đồng</p> <p>ii. Hợp đồng chính thức bổ sung trong vòng tối đa 03 tháng kể từ ngày phát hành bảo lãnh thực hiện hợp đồng, nhưng không vượt quá thời hạn hiệu lực của bảo lãnh. Trường hợp sau khi phát hành bảo lãnh mà thương thảo hợp đồng và hợp đồng ký kết có sự khác biệt lớn (ảnh hưởng đến khả năng thực hiện của KH và thanh toán của CĐT) ĐVKD đề xuất phương án và thực hiện trình cấp phê duyệt theo quy định của BVBank.</p> <p>b. Trường hợp giải tỏa tiền bảo lãnh tạm ứng: Áp dụng đối với KHDN cung cấp Thiết bị y tế ĐVKD phối hợp P.BL kiểm tra, kiểm soát việc sử dụng tiền tạm ứng của khách hàng:</p>									

		<p>i. ĐVKD chịu trách nhiệm đảm bảo khách hàng sử dụng đúng mục đích hợp đồng được bảo lãnh và phù hợp với BM02.VTYT.24 Bảng theo dõi tiến độ thanh toán Quyền đòi nợ; Hàng hóa có nguồn gốc xuất xứ từ các nước: Mỹ, Nhật, Hàn Quốc, Châu Âu, Canada, Australia, Singapore <i>hoặc</i> Nhà cung cấp đã giao dịch thành công từ 03 hợp đồng/ đơn hàng trở lên với khách hàng trong 24 tháng gần nhất (khách hàng cung cấp hợp đồng, tờ khai hải quan, chứng từ chứng minh việc giao hàng và thanh toán)</p> <p>ii. P.BL giải toả tiền tạm ứng khi có đề nghị của ĐVKD kèm chứng từ sử dụng tiền tạm ứng: Hợp đồng mua bán/ đơn đặt hàng/ hoá đơn/ bảng kê mua hàng/ biên bản giao hàng/ bảng lương hoặc các chứng từ chứng minh mục đích sử dụng hợp lệ;</p> <p>iii. Tỷ lệ giải toả bằng tiền mặt: tối đa 30% giá trị thư bảo lãnh (kể cả trường hợp bù đắp vốn tự có).</p> <p>iv. Đối với phần bảo lãnh tạm ứng được đảm bảo bằng một phần/toàn phần bằng TSBĐ là BDS: Không yêu cầu bổ sung chứng từ khi giải toả đối với phần bảo đảm bằng BDS. Trừ trường hợp BL tạm ứng có một phần tín chấp: thực hiện cung cấp chứng từ và giải toả đúng tiến độ theo quy định phê duyệt</p> <p>v. Khi hồ sơ thanh toán thể hiện Bên thanh toán đã thu hồi hết tiền tạm ứng, BVBank giải toả tiếp số tiền ký quỹ đảm bảo cho bảo lãnh được phát hành; Hoặc có thể giảm trừ tối đa 50% giá trị ký quỹ khi CĐT giảm trừ nghĩa vụ bảo lãnh trên 50% (chỉ được thực hiện tối đa 01 lần).</p> <p>c. Trường hợp 01 khách hàng đề nghị phát hành nhiều thư bảo lãnh cùng lúc: Phòng Bảo lãnh cam kết phát hành bảo lãnh với SLA tối đa cho 1 KH theo quy định hiện hành của BVBank²</p> <p>d. Các điều kiện khác thực hiện theo Quy định phát hành bảo lãnh của BVBank ban hành từng thời kỳ³.</p>
10.	Điều kiện cấp tín dụng khác	<p>a. Lãi suất và phí: Theo quy định của BVBank trong từng thời kỳ.</p> <p>b. Thời hạn hạn mức cấp tín dụng: Theo quy định hiện hành của BVBank trong từng thời kỳ⁴</p> <p>c. Thời hạn từng khoản CTD (vay vốn và bảo lãnh thanh toán):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với cấp tín dụng theo hạn mức: Phù hợp với phương án cấp tín dụng của khách hàng và tối đa 9 tháng - Đối với cấp tín dụng từng lần: Phù hợp với phương án cấp tín dụng của khách hàng và tối đa 12 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên.
11.	Hạn mức phán	<ul style="list-style-type: none"> - Theo Quy định phân quyền phán quyết của BVBank ban hành theo từng thời kỳ.⁵ - ĐVKD được phê duyệt cấp bảo lãnh dự thầu không tài sản bảo đảm như sau: <ul style="list-style-type: none"> + ĐVKD được phê duyệt tối đa 2 tỷ đồng/1 khách hàng khi thỏa điều kiện sản phẩm này

² Thực hiện theo Quyết định số 53/2022/QĐ-QLTD ngày 01/04/2022 v/v ban hành quy định thời gian xử lý nghiệp vụ tại Trung tâm quản lý tín dụng và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có)

³ Thực hiện theo Quyết định số 91/2022/QĐ-QLTD ngày 04/05/2022 v/v ban hành quy định phát hành bảo lãnh và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có)

⁴ Thực hiện theo Quyết định số 300/24/BVBank/QĐ-QLRR ngày 18/07/2024 v/v ban hành quy định thời hạn mức cấp tín dụng và các văn bản sửa đổi bổ sung cập nhật theo từng thời kỳ

⁵ Thực hiện theo Quyết định số 24/24/BVBank/QĐ-QLRR ngày 31/01/2024 v/v ban hành quy định phân quyền phán quyết trong hoạt động cấp tín dụng và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);

	quyết sản phẩm	+ Mức phê duyệt trên không tính vào mức cấp tín dụng theo thẩm quyền phê duyệt của ĐVKD trong từng thời kỳ.
12.	Mã sản phẩm	2.1.1.02.04 – VLD – CIB – TMDV – DUOC VAT TY Y TE 2.1.2.02.05 – VLD – SME – TMDV – DUOC VAT TY Y TE 2.1.3.02.05 – VLD – MSME – TMDV – DUOC VAT TY Y TE
13.	Kiểm tra giám sát sau CTD	- Theo quy trình cấp tín dụng khung do BVBank ban hành từng thời kỳ ⁶ .
14.	Biện pháp quản lý rủi ro	- Giám sát nợ: ▪ Thực hiện theo Quy định giám sát nợ do BVBank ban hành từng thời kỳ ⁷ . - Nợ quá hạn sản phẩm: ▪ Nợ quá hạn / Dư nợ sản phẩm tại ĐVKD và Nợ quá hạn / Dư nợ sản phẩm trên toàn hệ thống: tối đa không quá 3% ▪ Trường hợp nợ quá hạn nêu trên vượt mức 3%, K.QLRR phối hợp K.KHDN đề xuất phương án xử lý.
15.	Nội dung khác	- Các nội dung khác không quy định trong sản phẩm này sẽ được thực hiện theo quy định hiện hành của BVBank trong từng thời kỳ.
III. QUY TRÌNH THỰC HIỆN		
16.	Quy trình thực hiện	Theo Quy trình cấp tín dụng khung do BVBank ban hành từng thời kỳ ⁸ .
IV. DANH MỤC HỒ SƠ		
		- Theo Quy định Bộ mẫu biểu đi kèm quy trình cấp tín dụng khung ⁹ và Quy định Cấp tín dụng, bộ mẫu biểu và tác nghiệp dành cho KHDN SME, MSME do BVBank ban hành từng thời kỳ ¹⁰ . - Ngoài danh mục hồ sơ trên, Khách hàng phải cung cấp thêm các hồ sơ sau: • Hồ sơ pháp lý: ✓ Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh có điều kiện (áp dụng cho doanh nghiệp sản xuất/thương mại thuốc hoặc thiết bị y tế) ✓ Giấy chứng nhận thực hành tốt phân phối thuốc (GDP) hoặc Giấy chứng nhận thực hành tốt bảo quản thuốc (GSP) (áp dụng cho doanh nghiệp thương mại thuốc)

⁶ Theo Quyết định 49/2023/QĐ-RRTD ngày 01/03/2023 Về việc Ban hành Quy trình cấp tín dụng khung; Quyết định 117/2021/QĐ-QLRR TD ngày 22/04/2021 về việc Ban hành Quy định quản lý tài sản bảo đảm; Quyết định 92/2022/QĐ-QLTD ngày 04/05/2022 về việc ban hành Quy định Giám sát tín dụng và/hoặc các văn bản sửa đổi bổ sung thay thế trong từng thời kỳ (nếu có).

⁷ Thực hiện theo Quyết định số 186/2017/QĐ-QLRR ngày 15/08/2017 Về việc ban hành Quy định Giám sát nợ của Ngân hàng TMCP Bản Việt và các văn bản sửa đổi, bổ sung

⁸ Thực hiện theo Quyết định số 49/2023/QĐ-RRTD ngày 01/03/2023 Về việc ban hành Quy trình cấp tín dụng khung và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có)

⁹ Thực hiện theo Quyết định số 264/2018/QĐ-QLRR ngày 12/11/2018 Ban hành bộ mẫu biểu chung đi kèm quy trình cấp tín dụng khung và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

¹⁰ Thực hiện theo Quyết định số 325/2022/QĐ-RRTD ngày 01/11/2022 Quy định v/v cấp tín dụng, bộ mẫu biểu và tác nghiệp dành cho Khách hàng doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Giấy chứng nhận có pháp lý tương đương (WHO, GMP-GMP (Good Manufacturing Practice – Tiêu chuẩn thực hành sản xuất tốt...)) (áp dụng cho doanh nghiệp sản xuất thuốc) ✓ Đối với KH nhập khẩu phải có chứng nhận chức năng nhập khẩu được Cục quản lý Dược - Bộ y tế cấp giấy phép nhập khẩu trực tiếp. • Trường hợp phát hành BLDT đối với trường hợp Khách hàng chỉ tham gia thực hiện một phần của gói thầu thì ĐVKD lưu ý cần thu thập thêm bằng giá trị các hạng mục dự thầu để có cơ sở xác định giá trị BLDT
V. HIỆU LỰC THI HÀNH	
	<p>Trong Sản phẩm này, bất kỳ dẫn chiếu nào đến quy định hiện hành của BVBank hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc các văn bản thay thế chúng. Trường hợp pháp luật có sự thay đổi dẫn đến các nội dung của Sản phẩm này trái với quy định pháp luật hoặc có những nội dung mà Sản phẩm này không quy định thì thực hiện theo quy định của pháp luật hoặc các văn bản có liên quan khác của BVBank.</p>

DANH MỤC BIỂU MẪU KÈM THEO

Stt	Tên biểu mẫu	Ký mã hiệu	Ghi chú
1.	Điều kiện khách hàng	Phụ lục 01	Áp dụng khi ĐVKD đánh giá điều kiện cho vay
2.	Quản lý tài sản bảo đảm là quyền đòi nợ	Phụ lục 02	Áp dụng khi ĐVKD nhận TSBĐ là quyền đòi nợ
3.	Danh mục hồ sơ tài sản bảo đảm là quyền đòi nợ	Phụ lục 03	Áp dụng khi ĐVKD nhận TSBĐ là quyền đòi nợ
4.	Thông báo v/v thể chấp Nguồn thu phát sinh từ Hợp đồng	BM01.VTYT.24	Áp dụng khi ĐVKD gửi thông báo cho Bên thanh toán về việc nhận quyền đòi nợ
5.	Bảng theo dõi tiến độ thanh toán quyền đòi nợ	BM02.VTYT.24	Áp dụng khi ĐVKD nhận quyền đòi nợ hình thành trong tương lai và theo dõi tiến độ thực hiện hợp đồng và theo dõi tiến độ thanh toán
6.	Cam kết của khách hàng doanh nghiệp	BM03.VTYT.24	Áp dụng khi ĐVKD thế chấp quyền đòi nợ tại BVBank